

Dự báo lợi nhuận và Định giá thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2016

FiinPro-Vietnam's Most In-depth Database for Professionals

FiinPro is an application-based platform providing the most accurate, timely and in-depth financial database; and useful analytic tools for professionals so they can feel the market pulse on their fingertips

[LEARN MORE](#)



1

Tình hình doanh thu, lợi nhuận

2

Dự báo EPS năm 2016

3

P/E forward 2016

4

Rà soát danh mục VN30

5

Thông điệp chính

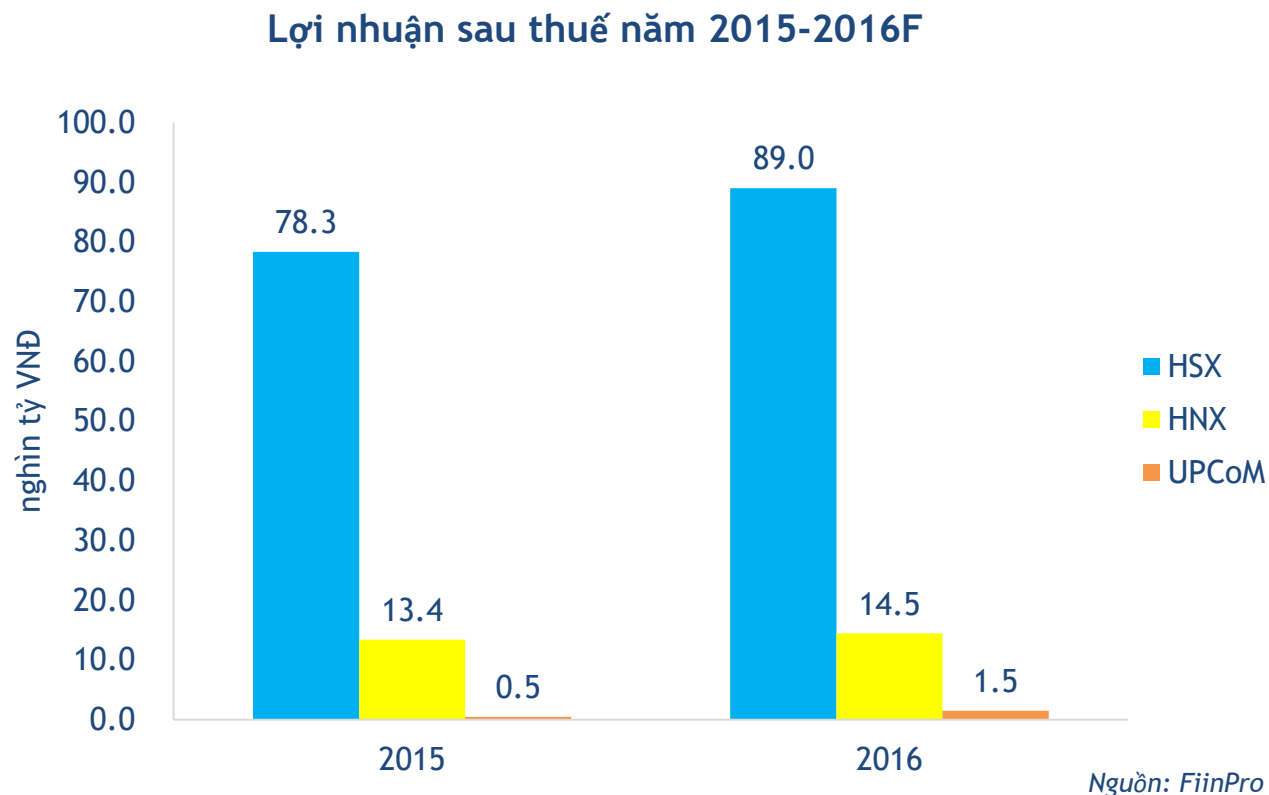
6

Phụ lục



Lợi nhuận sau thuế 2016 toàn thị trường dự báo tăng 14%

- LNST toàn thị trường năm 2015 đạt 92,2 nghìn tỷ đồng, tăng 10% so với năm 2014.
- LNST toàn thị trường năm 2016 dự báo đạt 104,9 nghìn tỷ đồng, tăng 14% so với năm 2015.

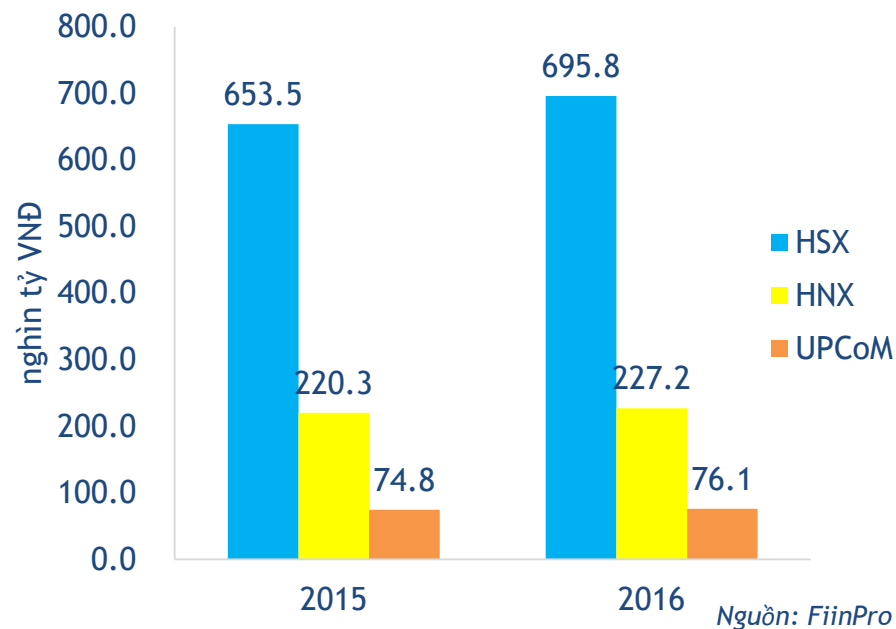


Số liệu LNST được lấy từ 837 doanh nghiệp trên HSX, HNX, Upcom theo kế hoạch của doanh nghiệp, dự báo của các CTCK và tốc độ tăng trưởng CAGR lợi nhuận ròng của ngành 2011-2015 theo tính toán của StoxPlus.

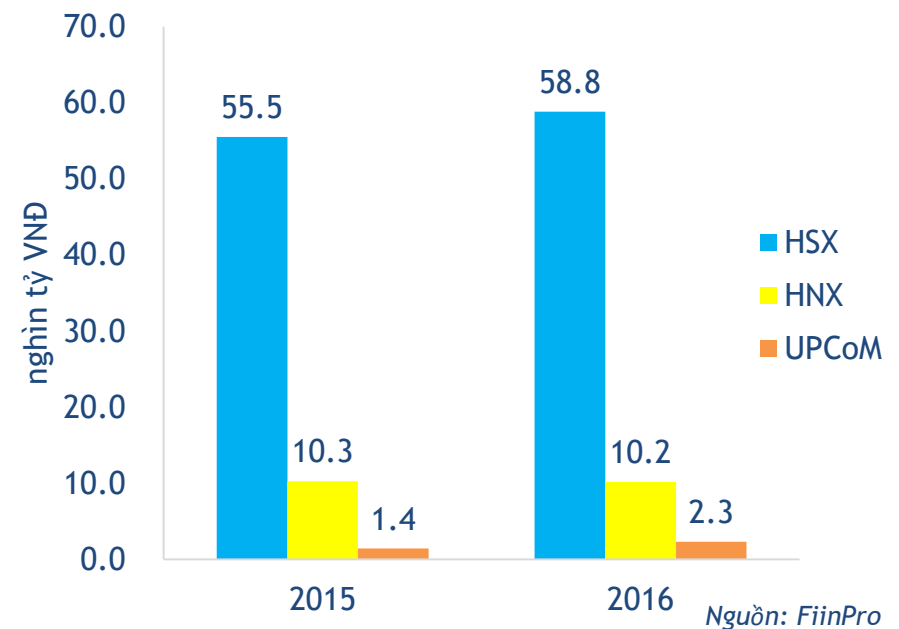
Doanh thu thuần và LNST kế hoạch năm 2016 theo AGM

- Có 630 doanh nghiệp trên 3 sàn đã công bố số liệu doanh thu thuần và LNST kế hoạch năm 2016 sau ĐHĐCĐ.
- Tổng giá trị vốn hóa của những doanh nghiệp này chiếm hơn 70% giá trị vốn hóa toàn thị trường.

Doanh thu thuần năm 2015-2016F



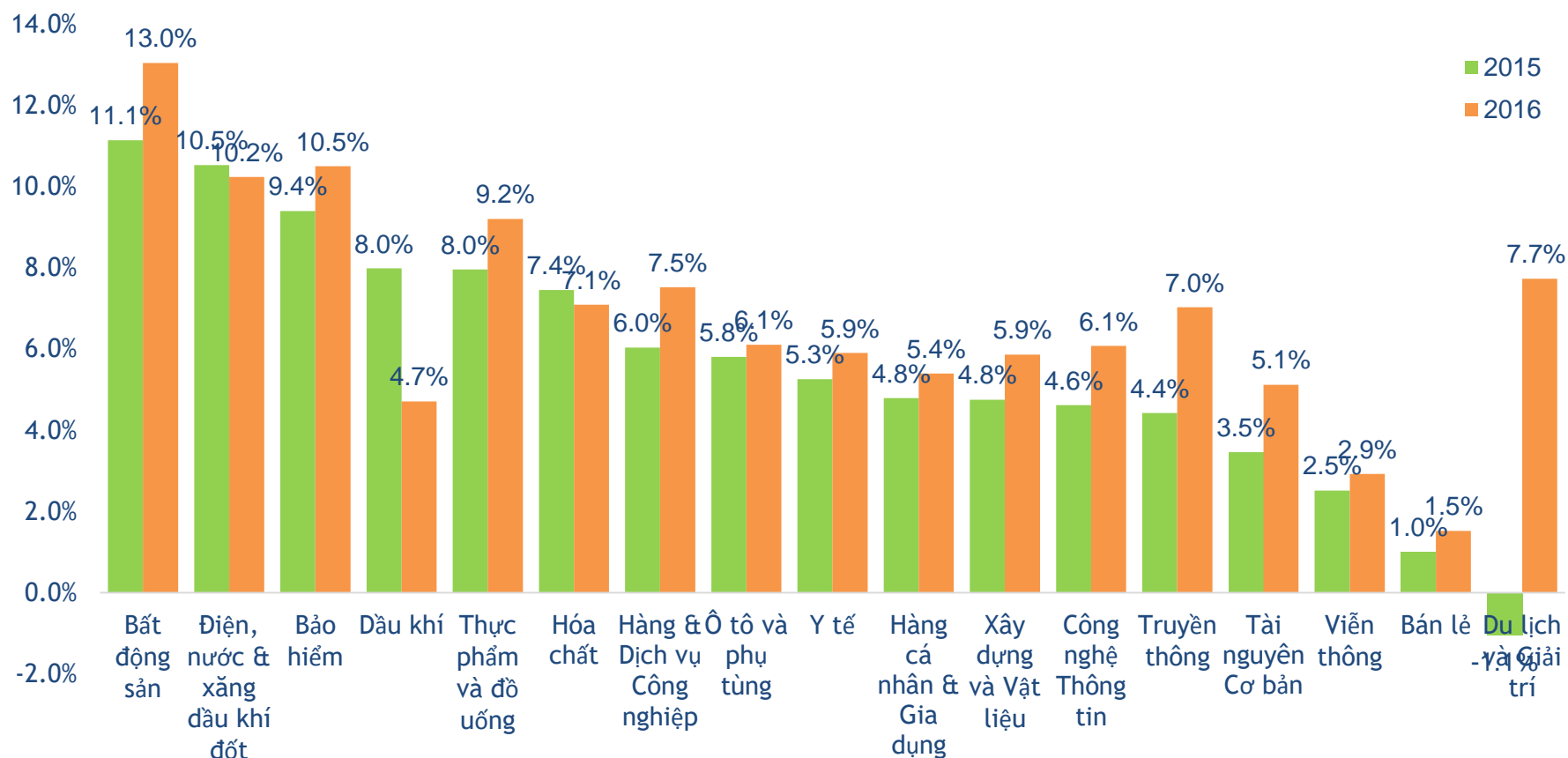
Lợi nhuận sau thuế năm 2015-2016F



Biên LN ròng của các ngành 2016 có sự chênh lệch lớn

- Biên lợi nhuận ròng toàn thị trường niêm yết 2015 đạt 8,1%, tính riêng HSX và HNX là 8,8%.

Biên lợi nhuận ròng của ngành năm 2015, 2016



Nguồn: FiinPro

1

Tình hình doanh thu, lợi nhuận

2

Dự báo EPS 2016

3

P/E forward 2016

4

Rà soát danh mục VN30

5

Thông điệp chính

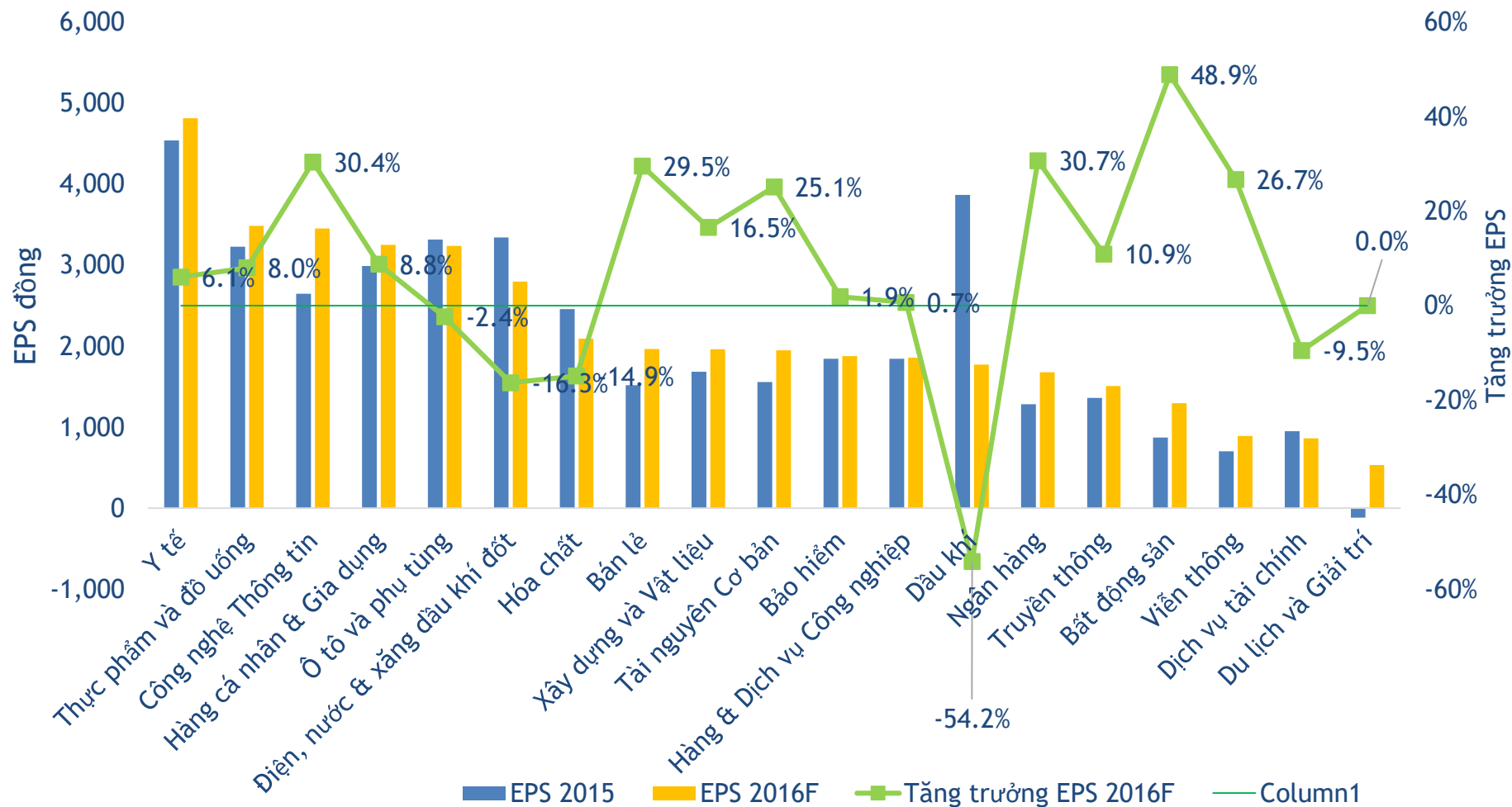
6

Phụ lục



EPS 2016 của các công ty niêm yết dự kiến tăng trưởng 10,5%/năm

Dự báo EPS của ngành năm 2016



Nguồn: FiinPro

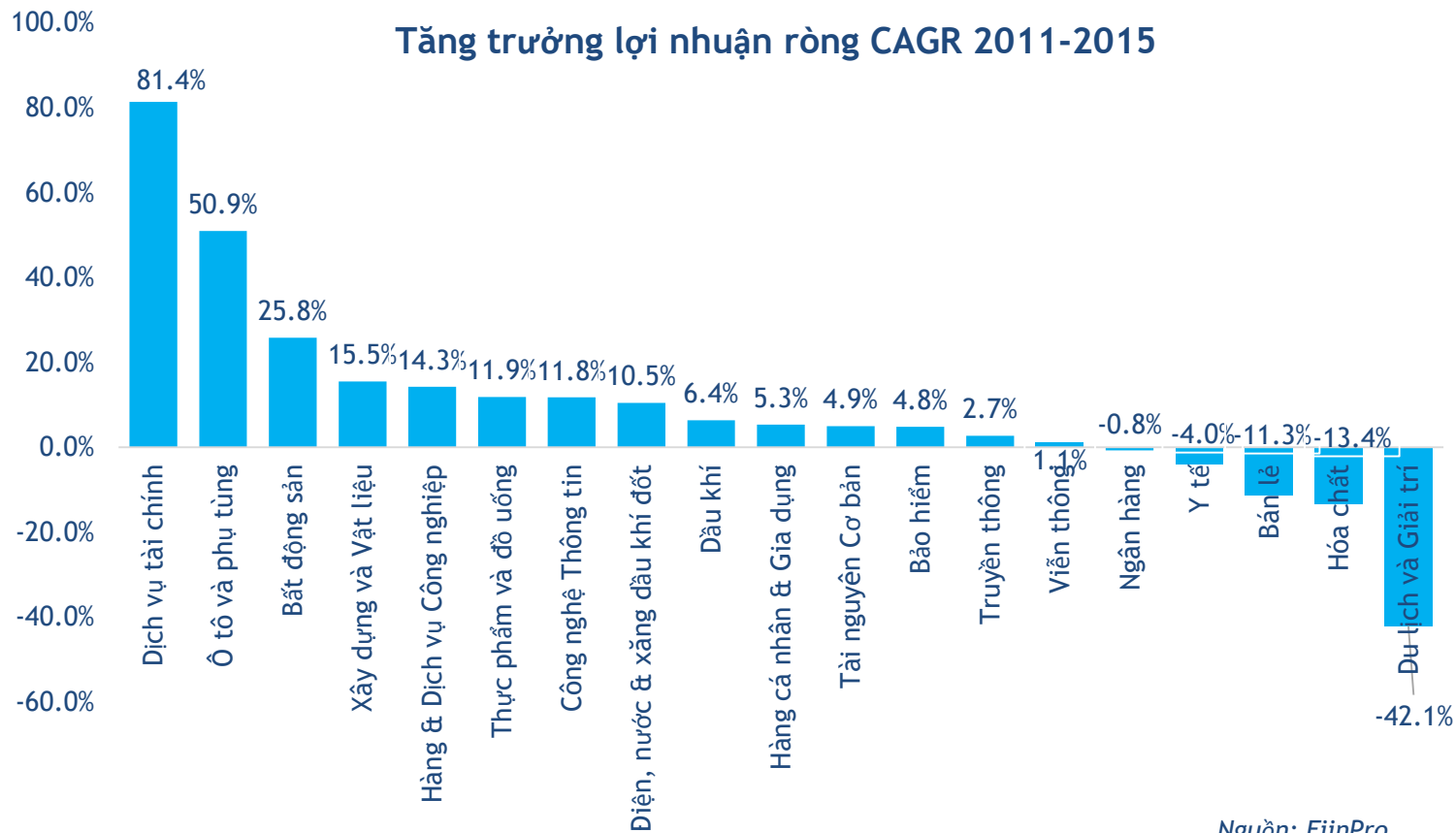
Đúng đầu tăng trưởng là những ngành có tính chu kỳ như bất động sản và ngân hàng. Ngành dầu khí có EPS tăng trưởng âm trong khi ngành tiêu dùng được dự báo tăng trưởng nhẹ EPS năm nay

Ngành cấp 2	EPS 2015	EPS 2016F	Tăng trưởng EPS 2016F (y-o-y)
Y tế	4,540.0	4,814.9	6.1%
Thực phẩm và đồ uống	3,227.6	3,485.3	8.0%
Công nghệ Thông tin	2,648.4	3,453.0	30.4%
Hàng cá nhân & Gia dụng	2,988.0	3,250.3	8.8%
Ô tô và phụ tùng	3,315.1	3,236.8	-2.4%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	3,341.3	2,796.3	-16.3%
Hóa chất	2,458.0	2,092.0	-14.9%
Bán lẻ	1,518.3	1,966.4	29.5%
Xây dựng và Vật liệu	1,683.7	1,962.1	16.5%
Tài nguyên Cơ bản	1,555.9	1,947.1	25.1%
Bảo hiểm	1,843.4	1,878.3	1.9%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	1,844.2	1,856.7	0.7%
Dầu khí	3,867.6	1,772.5	-54.2%
Ngân hàng	1,283.1	1,676.5	30.7%
Truyền thông	1,360.3	1,508.6	10.9%
Bất động sản	870.6	1,296.2	48.9%
Viễn thông	703.5	891.3	26.7%
Dịch vụ tài chính	951.6	861.0	-9.5%
Du lịch và Giải trí	(117.5)	531.4	0.0%

Nguồn: FiinPro

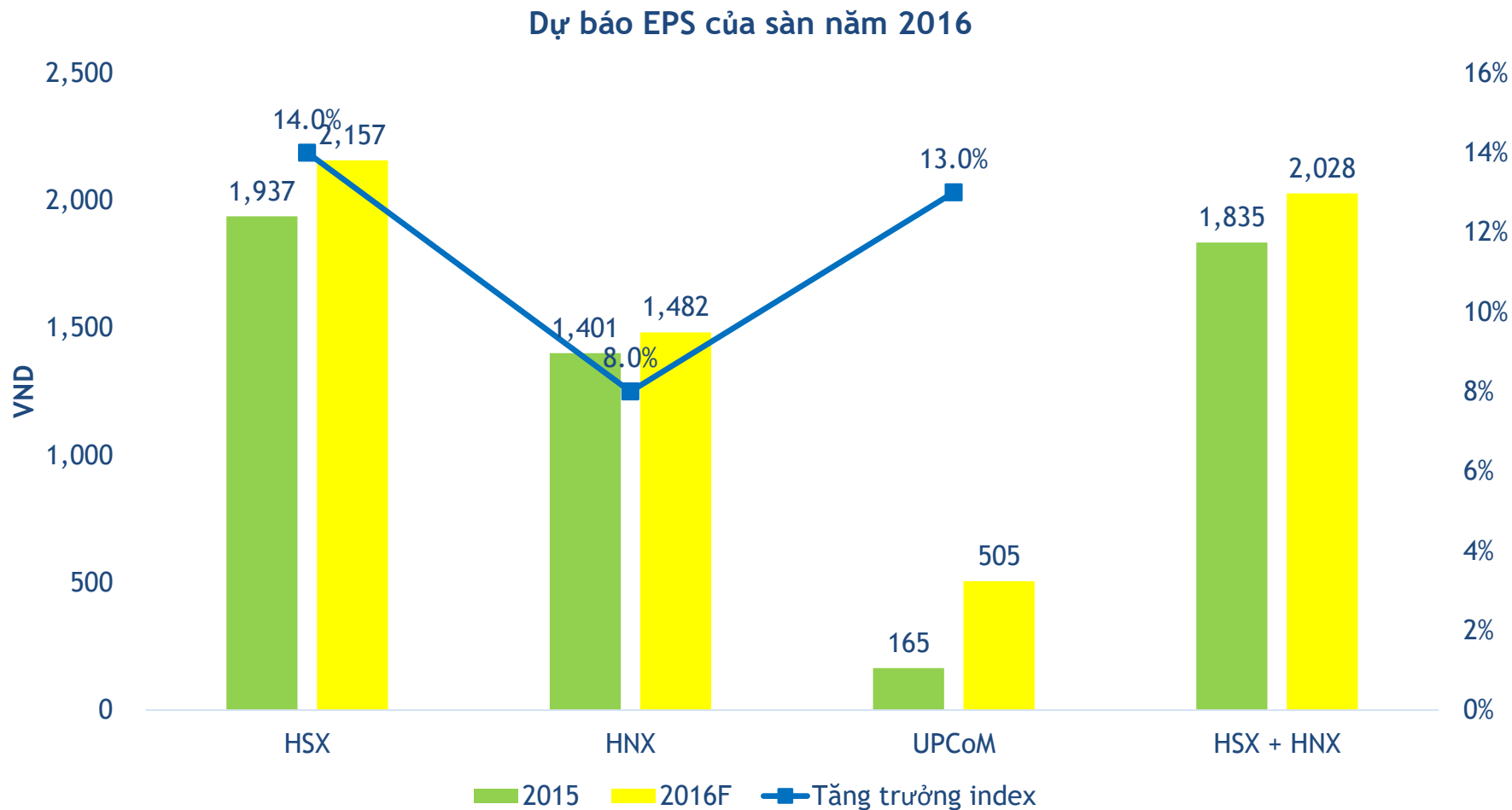
Cần lưu ý tốc độ tăng trưởng CAGR của các ngành cyclical 5 năm trở lại đây đã đạt mức rất cao

Tốc độ tăng trưởng lợi nhuận ròng CAGR toàn thị trường giai đoạn 2011-2015 đạt 6,13%



Nguồn: FiinPro

EPS năm 2016 của những công ty trên UPCoM dự kiến sẽ tăng gấp 3 lần. Ngoài ra, UPCOM Index đã tăng ~ 13% YTD trong khi HNX Index tăng 8%



Nguồn: FiinPro

Top 30 cổ phiếu dự báo có tăng trưởng EPS lớn nhất năm 2016

Xét những doanh nghiệp có giá trị vốn hóa trên 100 tỷ đồng

Ticker	LNST 2012	LNST 2013	LNST 2014	LNST 2015	LNST KH 2016	EPS 2015	EPS 2016F	Tăng trưởng	P/E 2015	P/E 2016F	P/B Q12016	% thay đổi giá YTD (*)
	tỷ VNĐ	tỷ VNĐ	tỷ VNĐ	tỷ VNĐ	tỷ VNĐ	VNĐ	VNĐ	%	x	x	x	%
AGF	34.0	21.3	72.1	0.6	43.3	22	1,540	6876%	439.4	6.0	0.3	-32%
ANV	34.2	6.7	61.4	1.5	42.0	23	640	2673%	303.2	10.5	0.4	-11%
PTL	(1.3)	(137.2)	2.8	4.2	93.0	42	941	2154%	55.1	2.4	0.3	35%
STB	1,002.4	2,229.1	2,206.4	76.4	1,599.0	42	887	1993%	18.4	12.7	0.9	-10%
KMR	(14.1)	19.3	4.5	1.9	35.8	39	733	1769%	150.3	8.0	0.6	41%
EIB	2,138.7	658.7	340.9	40.0	623.4	32	507	1466%	349.1	22.7	1.1	1%
KHB	(6.6)	(2.8)	0.6	1.7	20.0	57	688	1104%	29.8	3.8	0.2	-57%
PSB	6.9	1.1	1.3	0.1	1.7	3	35	1091%	1,170.3	104.0	0.3	-19%
TKU	1.4	64.5	43.6	4.6	45.0	152	1,498	886%	59.2	5.7	0.8	18%
DIG	24.2	54.4	43.9	10.5	106.9	49	461	846%	182.5	18.0	0.7	3%
POM	4.6	(218.9)	(28.7)	27.5	250.0	147	1,342	815%	60.7	6.9	0.7	26%
SDU	2.3	1.6	2.7	1.1	9.4	54	468	769%	258.2	25.7	0.8	5%
IVS	2.1	1.2	9.2	5.4	42.6	335	2,648	690%	57.3	7.1	1.8	14%
DNY	10.2	14.5	5.6	8.3	57.5	306	2,131	596%	26.1	3.7	0.6	57%
KSA	11.4	18.4	27.2	3.8	25.0	62	268	334%	43.7	13.5	0.3	-49%
TNT	(2.5)	(19.4)	4.8	7.1	46.8	837	1,835	119%	33.7	15.3	2.7	12%
DCS	(7.2)	2.7	1.9	8.0	34.4	133	570	328%	33.0	7.5	0.4	29%
HAR	10.2	12.3	27.8	12.3	48.0	127	496	289%	39.2	10.7	0.5	18%
LCG	(36.6)	(306.1)	4.7	15.1	50.1	198	656	232%	27.3	7.9	0.4	-23%
PGS	151.3	179.0	140.3	111.4	357.3	2,228	7,146	221%	7.5	2.4	0.8	10%
QNC	4.0	5.1	11.4	2.2	6.9	117	377	221%	47.8	14.9	0.6	0%
PVX	(1,338.4)	(1,622.7)	15.4	24.0	75.0	60	188	213%	36.7	11.7	0.7	-29%
NNG	41.1	62.7	21.4	55.8	169.0	1,067	3,503	228%	13.7	4.1	1.0	80%
HBC	132.0	26.4	70.9	83.5	252.0	1,105	3,335	202%	22.4	6.5	1.7	53%
DHM	45.9	18.7	3.1	5.2	15.0	223	638	186%	59.6	19.7	1.1	148%
ITA	33.0	87.2	144.4	136.2	385.0	162	459	183%	27.1	9.4	0.4	-23%
UDC	6.5	0.2	1.5	3.5	8.7	101	250	147%	33.6	14.4	0.3	-5%
AAA	55.1	54.9	47.0	40.0	100.0	808	1,927	138%	39.1	15.6	1.9	156%
VIC	1,571.3	6,779.5	3,158.6	1,215.8	3,000.0	651	1,547	138%	79.1	31.9	3.9	19%
PNJ	254.4	163.2	242.5	152.3	361.4	1,550	3,678	137%	52.9	20.9	5.5	83%

Nguồn: FiinPro, giá đóng cửa ngày 30/6/2016

(*): giá đến ngày 5/7/2016

1

Tình hình doanh thu, lợi nhuận

2

Dự báo EPS năm 2016

3

P/E forward 2016

4

Rà soát danh mục VN30

5

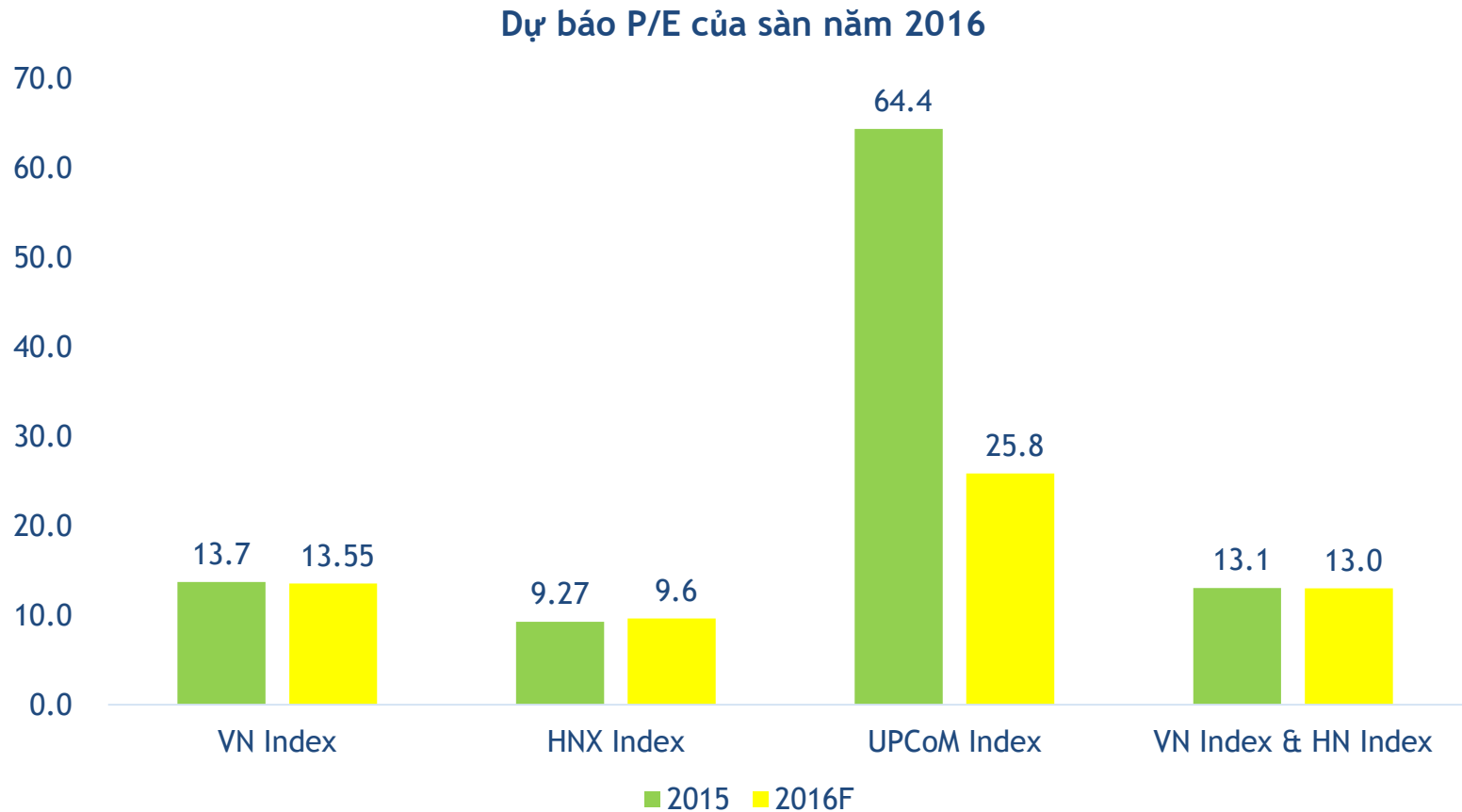
Thông điệp chính

6

Phụ lục



Nếu chỉ đơn thuần dựa trên P/E dự báo, sàn UPCoM sẽ có tiềm năng tăng trưởng



Nguồn: FiinPro, giá đóng cửa ngày 30/6/2016

Top cổ phiếu Upcom có tăng trưởng EPS cao nhất

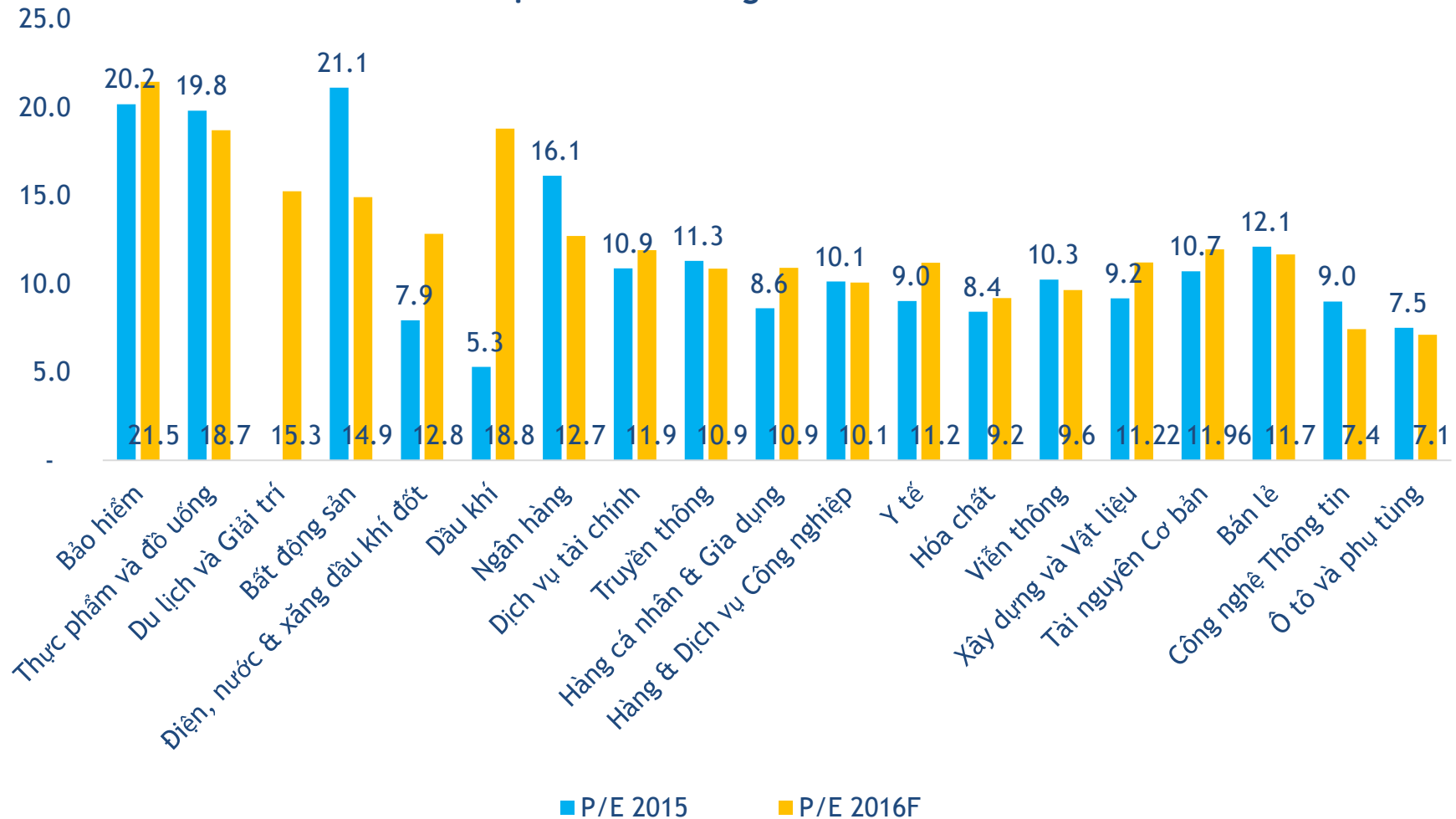
Xét những doanh nghiệp có vốn điều lệ trên 100 tỷ đồng

Ticker	Tên doanh nghiệp	LNST 2015	LNST KH 2016	EPS 2015	EPS 2016F	Tăng trưởng	P/E 2015	P/E 2016F
		tỷ VNĐ	tỷ VNĐ	VNĐ	VNĐ	%		
PSB	Sao Mai Bến Đình	0.1	1.7	3	35	1091.3%	1,685.6	115.6
WTC	Vận tải thủy Vinacomin	1.0	11.1	102	1,108	984.4%	17.6	3.2
RBC	CN và XNK Cao Su	1.4	5.4	135	542	300.4%	0.0	18.4
TGP	Cáp Trường Phú	1.5	5.0	148	500	237.4%	24.3	6.4
NNG	CN - DV - TM Ngọc Nghĩa	55.8	169.0	1,156	3,503	203.1%	8.0	4.1
VCX	Xi măng Yên Bình	11.4	32.8	431	1,236	186.9%	6.3	2.1
SD3	Sông Đà 3	7.3	15.2	458	947	106.6%	18.1	6.5
MTG	MTGAS	2.1	4.1	175	346	97.5%	10.9	5.8
VHF	Chế biến lương thực Vĩnh Hà	6.6	10.4	307	483	57.6%	32.6	13.9
TIS	Gang thép Thái Nguyên	87.1	129.9	307	457	49.2%	17.9	13.1
VTX	Vận tải Đa phương thức	18.3	24.7	872	1,178	35.1%	14.9	11.5
GHC	Thủy điện Gia Lai	63.1	81.8	3,076	3,992	29.8%	8.2	6.4
IPA	Tập đoàn Đầu tư I.P.A	74.8	94.2	1,247	1,570	25.9%	0.0	0.0
SPD	Thủy sản Miền Trung	6.7	10.0	671	830	23.6%	9.1	9.4
VLG	Vinalines Logistics Việt Nam	11.4	13.9	804	978	21.7%	9.7	7.7
	Thương mại và DV -							
ITS	Vinacomin	8.8	10.4	697	825	18.3%	10.2	7.8
HU4	Đầu tư và Xây dựng HUD4	6.8	7.7	451	511	13.5%	0.0	9.2
TBD	Thiết bị điện Đông Anh	40.7	44.8	3,738	4,138	10.7%	9.9	13.3
SPC	BV Thực vật Sài Gòn	28.0	29.4	2,662	2,795	5.0%	5.7	8.1
DCD	Du Lịch và Thương Mại DIC	6.9	6.5	615	575	-6.5%	11.7	11.3
HIG	Tập Đoàn HIPT	14.1	13.0	647	598	-7.6%	8.2	11.1
PSP	DV Dầu Khí Đình Vũ	33.8	31.0	1,024	939	-8.3%	9.4	12.6
PIC	Đầu tư Điện lực 3	25.0	22.7	858	779	-9.2%	11.5	16.0
SGS	Vận tải biển Sài Gòn	16.3	13.9	1,131	965	-14.6%	8.5	6.3
DDV	Phân bón DAP Đình Vũ	49.2	41.6	337	284	-15.6%	34.7	28.8
VTJ	TM và Đầu tư VINATABA	11.0	9.0	965	792	-17.9%	8.3	9.2
ISH	Thủy điện Srok Phu Miêng	37.3	30.0	828	666	-19.6%	14.0	16.5
SWC	Đường Sông Miền Nam	66.6	52.9	993	789	-20.5%	12.2	19.2
PTT	Vận tải Dầu khí Đông Dương	3.9	3.0	387	300	-22.5%	9.3	13.3
SMB	Bia Sài Gòn - Miền Trung	79.8	60.6	2,672	2,030	-24.0%	6.6	9.4

Nguồn: FiinPro, giá đóng cửa ngày 30/6/2016

Xét theo ngành, cổ phiếu các ngành bất động sản, công nghệ thông tin, ngân hàng đang có P/E forward thấp hơn P/E 2015

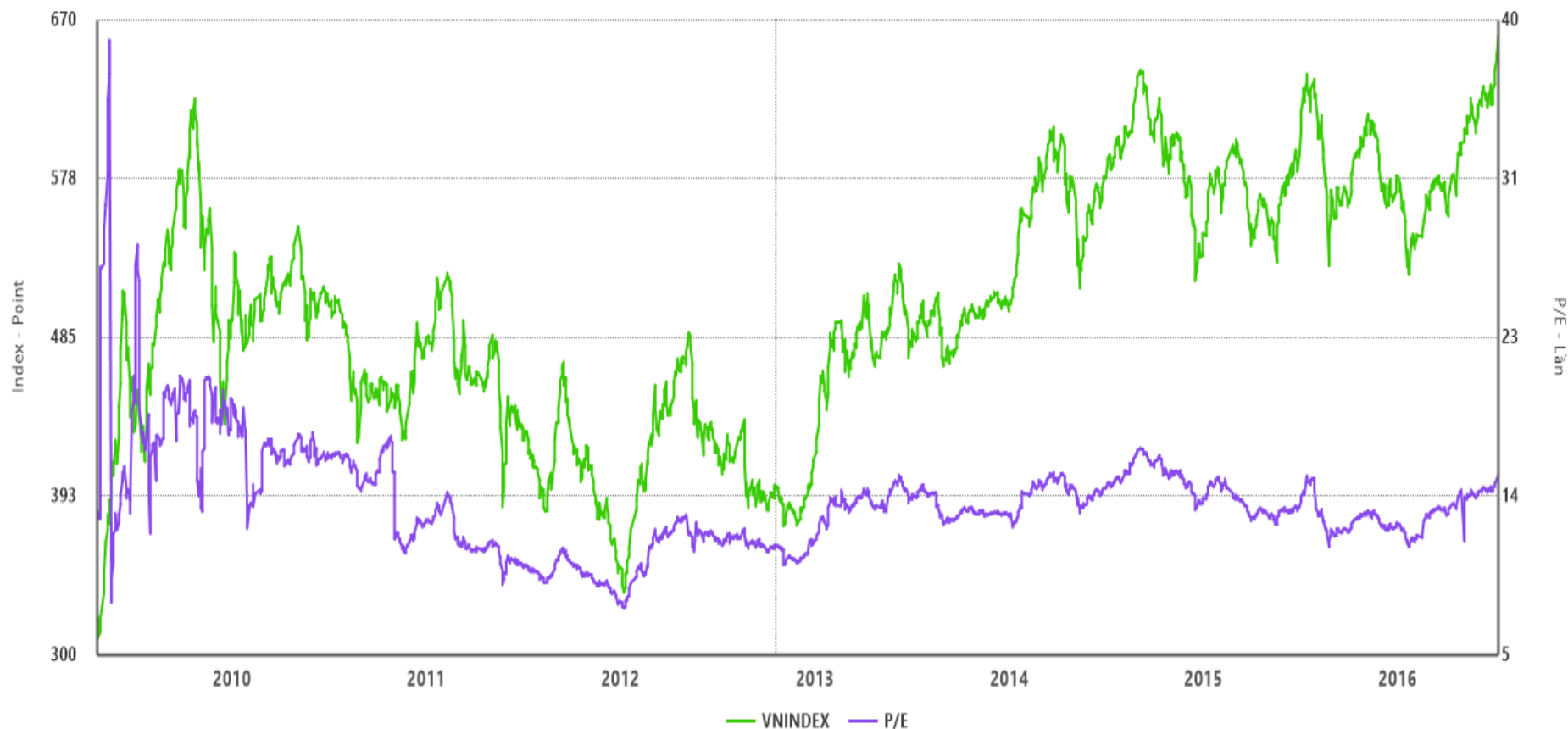
Dự báo P/E của ngành năm 2016



Nguồn: FiinPro, giá đóng cửa ngày 30/6/2016

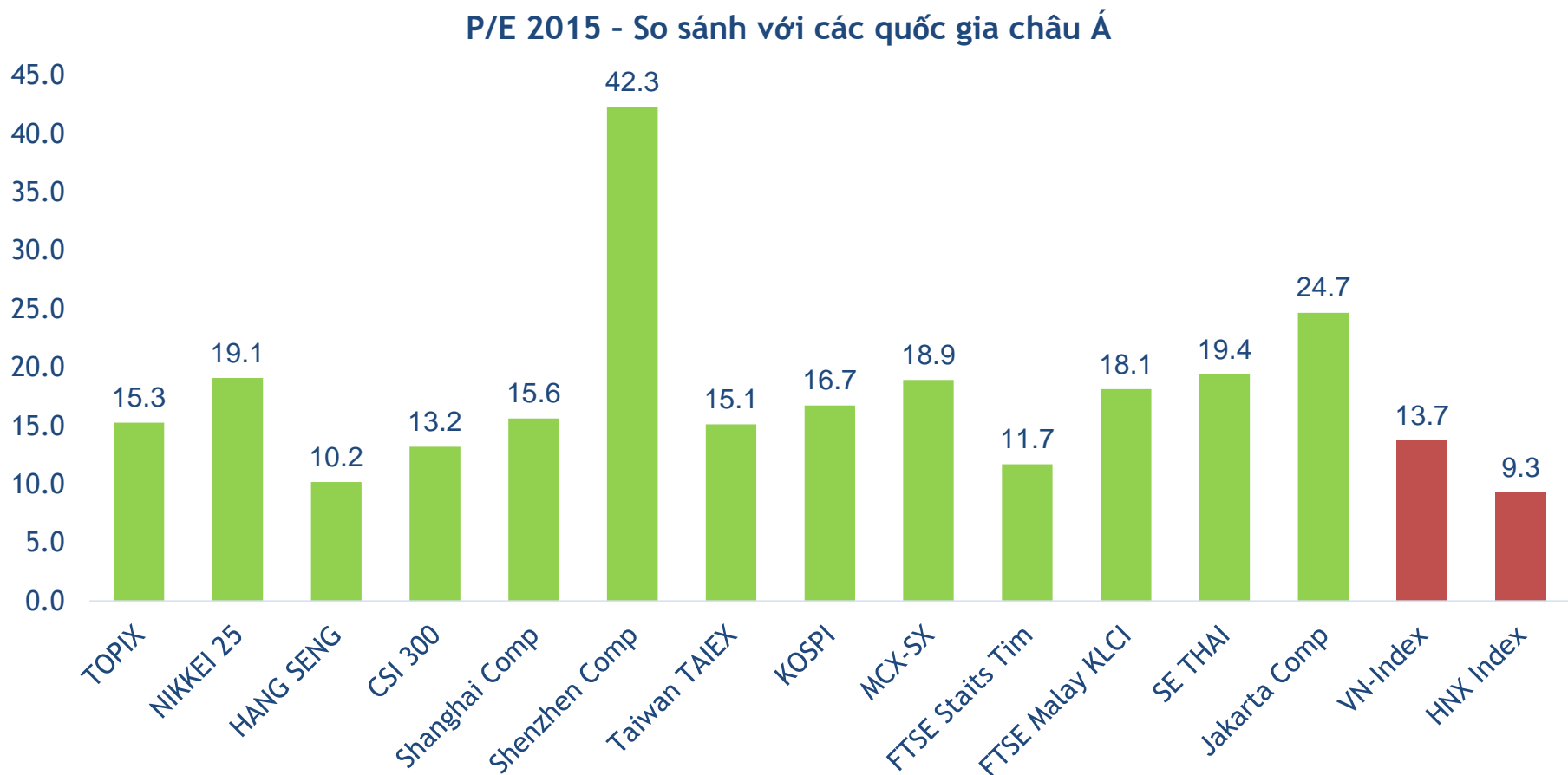
Dữ liệu P/E lịch sử

Hệ số P/E của thị trường liên tục dao động trong 2 năm qua, cụ thể là, P/E năm 2016 của VN Index và HNX Index dự kiến lần lượt đạt 13.6x và 9.35x



So sánh P/E cùng khu vực

P/E của thị trường chứng khoán Việt Nam thuộc nhóm thấp hơn so với các quốc gia trong khu vực



Nguồn: FiinPro (VN Index & HNX Index), Bloomberg (các sàn còn lại), ngày 9/6/2016

1

Tình hình doanh thu, lợi nhuận

2

Dự báo EPS năm 2016

3

P/E forward 2016

4

Rà soát danh mục VN30

5

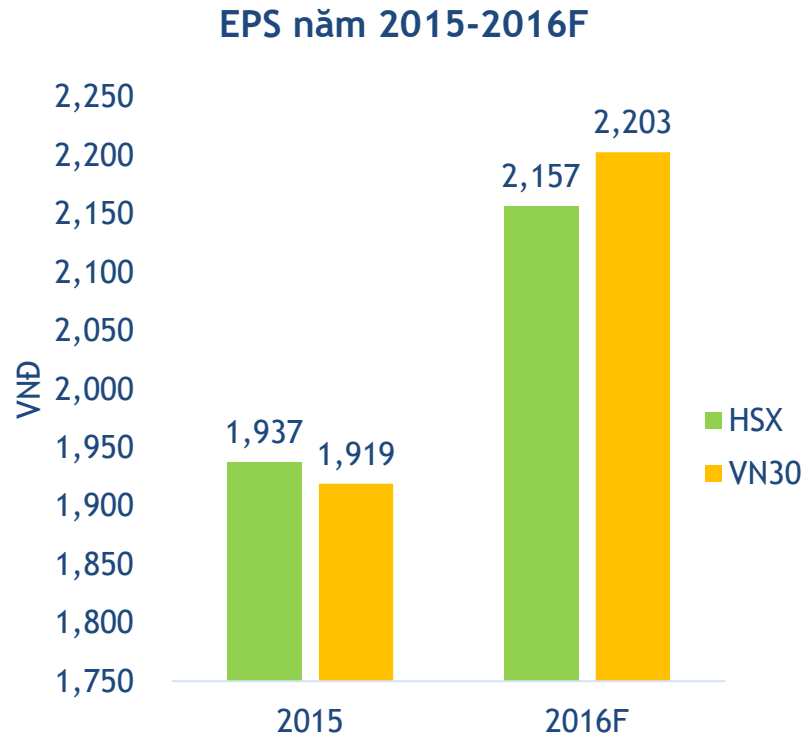
Thông điệp chính

6

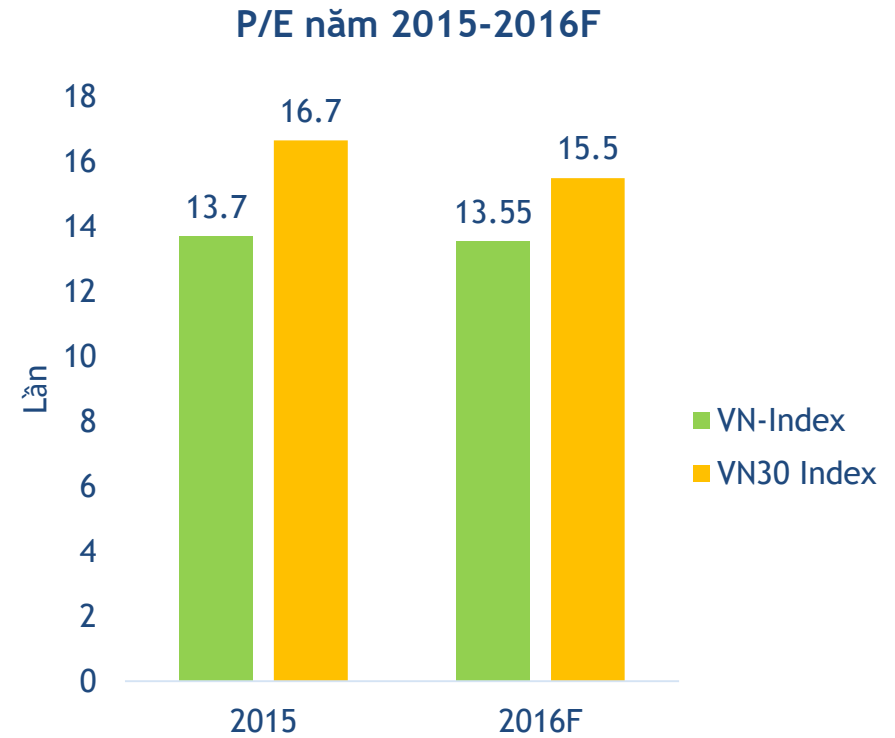
Phụ lục



Các cổ phiếu thuộc nhóm VN30 được dự báo có EPS tăng lên 2.203 đồng và P/E giảm nhẹ xuống còn 15,5 lần trong năm 2016



Nguồn: FiinPro



Nguồn: FiinPro

Các cổ phiếu thuộc nhóm VN30

Ticker	LNST 2012	LNST 2013	LNST 2014	LNST 2015	LNST KH 2016	Tăng trưởng	EPS 2015	EPS 2016F	P/E 2015	P/E 2016F	P/B Q1 2016 (*)	% thay đổi giá YTD
				tỷ VNĐ	tỷ VNĐ	%	VNĐ	VNĐ	x	x		
BVH	1,348	1,138	1,259	1,128	1,005	-10.9%	1,658	1,477	32.0	41.3	3.3	19.5%
CII	417	86	388	625	847	35.6%	2,862	3,383	7.5	7.6	1.8	21.9%
CTG	6,152	5,792	5,712	5,698	6,840	20.0%	1,530	1,837	12.2	9.5	1.1	-6.0%
DPM	3,017	2,142	1,096	1,488	1,228	-17.5%	3,916	3,138	7.1	8.9	1.3	4.8%
EIB	2,139	659	341	40	623	1458.7%	33	507	344.3	23.5	1.1	0.9%
FLC	36	99	356	902	960	6.4%	1,703	1,812	4.6	3.7	0.6	-24.1%
FPT	1,540	1,608	1,632	1,931	2,728	41.3%	4,858	5,939	8.5	6.8	2.2	4.0%
GMD	104	192	531	402	372	-7.5%	3,364	2,075	8.0	13.6	0.6	-1.2%
HAG	350	846	1,474	502			636		na	na	0.4	-27.7%
HCM	246	282	376	213	301	41.1%	1,677	2,368	17.8	13.3	1.8	15.2%
HHS	70	82	136	481	398	-17.3%	2,064	1,475	6.0	6.2	0.7	-24.6%
HPG	994	1,954	3,144	3,485	3,200	-8.2%	4,756	4,366	6.1	8.3	2.0	42.4%
HSG	394	558	433	715	660	-7.7%	5,457	3,358	3.8	11.0	1.7	114.0%
HVG	260	248	291	159	433	171.6%	843	1,907	13.1	5.3	0.8	-9.5%
ITA	33	87	144	136	385	182.7%	162	459	34.5	9.8	0.4	-23.2%
KBC	(436)	72	326	612	850	38.9%	1,303	1,809	10.1	8.3	1.1	28.9%
KDC	354	494	536	539	639	18.5%	2,623	3,108	8.9	8.8	1.1	22.9%
MBB	2,306	2,276	2,476	2,496	3,074	23.1%	1,560	1,884	9.4	8.2	1.1	7.1%
MSN	1,261	451	1,080	1,478	2,000	35.3%	1,980	2,678	39.1	25.8	3.3	-11.3%
NT2	8	8	1,591	1,142	728	-36.3%	4,168	2,554	5.9	12.2	2.0	39.3%
PPC	505	1,630	1,045	561	540	-3.6%	1,762	1,699	9.0	9.1	0.8	-8.1%
PVD	1,322	1,883	2,419	1,664	500	-70.0%	4,782	1,437	5.5	22.9	0.8	15.6%
PVT	109	239	341	368	280	-23.9%	1,439	1,094	7.1	11.9	1.1	40.6%
REE	657	976	1,062	853	986	15.6%	3,171	3,180	7.6	6.5	0.9	-0.8%
SBT	370	239	121	285	190	-33.1%	1,561	1,044	15.4	31.9	2.4	26.8%
SSI	464	418	745	852	823	-3.5%	1,775	1,713	12.5	12.4	1.6	3.2%
STB	1,002	2,229	2,206	76	1,599	1992.8%	42	887	309.2	13.4	0.9	-10.3%
VCB	4,397	4,358	4,592	5,314	6,493	22.2%	1,994	2,437	22.0	19.7	2.9	15.7%
VIC	1,571	6,780	3,159	1,216	3,000	146.8%	651	1,547	70.2	35.2	3.9	19.2%
VNM	5,819	6,534	6,069	7,773	8,266	6.3%	6,477	6,888	19.5	19.9	7.8	15.1%

Nguồn: FiinPro, giá đóng cửa ngày 30/6/2016

(*): giá đến ngày 5/7/2016

- 1 Tình hình doanh thu, lợi nhuận
- 2 Dự báo EPS năm 2016
- 3 P/E forward 2016
- 4 Rà soát danh mục VN30
- 5 Thông điệp chính
- 6 Phụ lục



TTCK Việt Nam như một doanh nghiệp

- Doanh thu 2015 đạt 1.141 nghìn tỷ đồng, CAGR 2011-2015 ~ 6%/ năm
- Hoạt động kinh doanh mang lại doanh thu lớn nhất là Xây dựng và vật liệu
- 14% tổng doanh thu
- LNST 2015 đạt 92,2 nghìn tỷ đồng, CAGR 2011-2015 ~ 6,13%/ năm
- Thu nhập bất thường từ thanh lý tài sản cố định, các khoản đầu tư năm 2015 là 8.865,6 tỷ đồng
- Biên lợi nhuận ròng 2015 đạt 8,1%
- EPS 2016 dự báo đạt 2.028 đồng, 2015 đạt 1825 đồng (HOSE + HNX)

Tổng kết

Lợi nhuận trên cổ phiếu EPS dự kiến tăng trưởng 10,5% năm 2016.

Thị trường đang được định giá ở mức P/E forward ~ 13x lần, thấp hơn P/E tại thời điểm đỉnh của VNI 63x điểm năm 2008, 2009, 2014, 2015

Chu kỳ kinh tế ảnh hưởng mạnh mẽ tới các ngành cyclical với tốc độ CAGR cao nhất, các ngành phòng hộ ít chịu ảnh hưởng hơn

Sàn Upcom hứa hẹn nhiều bất ngờ với dự báo EPS 2016 tăng trưởng gấp 3 lần năm 2015

Thu nhập bất thường của các doanh nghiệp 3 sàn là 8,865 tỉ, trong đó KDC chiếm 6.532 tỉ

Các nhóm ngành dự báo có PE forward thấp: bán lẻ, ô tô và phụ tùng, công nghệ thông tin

Phương pháp luận

Phương pháp tổng vốn hóa chia cho tổng thu nhập toàn thị trường

- Chỉ số P/E (Giá cổ phiếu/Lãi ròng trên mỗi cổ phiếu) được tính bằng cách lấy tổng giá trị vốn hóa toàn thị trường chia cho tổng thu nhập toàn thị trường (lợi nhuận ròng của các doanh nghiệp niêm yết trên HSX, HNX và UPCoM).

EPS dự báo được tính như thế nào?

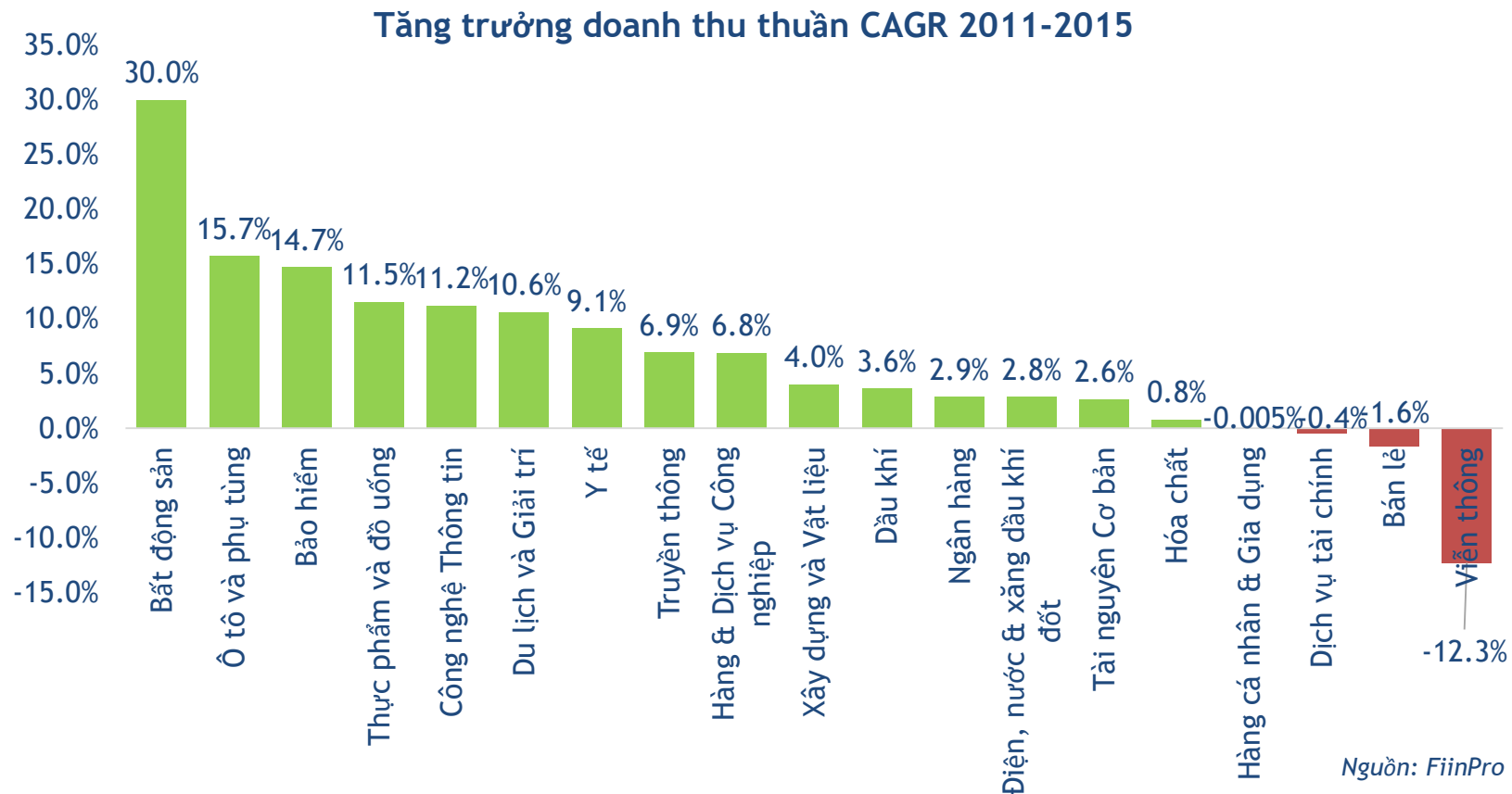
- LNST năm 2016 được lấy dựa trên (i) lợi nhuận kế hoạch năm 2016 của Ban quản trị công ty, chủ yếu là sau khi hợp ĐHĐCĐ; (ii) dự báo của những công ty chứng khoán; (iii) tốc độ tăng trưởng CAGR lợi nhuận ròng ngành 2011-2015 theo tính toán của StoxPlus.
- Theo thống kê đến hết ngày 16/6/2016:
 - ✓ Sàn HSX, HNX và UPCoM có 861 công ty đã tổ chức ĐHĐCĐ, nhưng 181 chưa công bố con số lợi nhuận kế hoạch năm 2016.
 - ✓ Riêng trên sàn HOSE và HNX, có 630 doanh nghiệp đã tổ chức ĐHĐCĐ.
- Số liệu phân tích trên đây được lấy từ cơ sở dữ liệu của hơn 990 doanh nghiệp niêm yết trên HNX, HSX, và UPCoM (sau đây được gọi tắt là “niêm yết”).
 - ✓ JVC và HAG được loại khỏi tập hợp phân tích để phản ánh đúng hơn EPS và tăng trưởng ngành
 - ✓ Điều chỉnh LNST của KDC năm 2015 thay cho số trong báo cáo tài chính, để loại bỏ lợi nhuận thu được từ bán 80% mảng kinh doanh bánh kẹo cho Mondelez International.
- Dữ liệu ĐHĐCĐ được xuất từ hệ thống FiinPro® tại ngày 16/6/2016.
- Giá cổ phiếu lấy tại ngày 30/6/2016.
- Với những công ty có báo cáo tài chính hợp nhất, lợi nhuận ròng ở đây có nghĩa là lợi nhuận phân phối cho cổ đông công ty mẹ.

- 1 Tình hình doanh thu, lợi nhuận
- 2 Dự báo EPS năm 2016
- 3 P/E forward 2016
- 4 Rà soát danh mục VN30
- 5 Thông điệp chính
- 6 Phụ lục



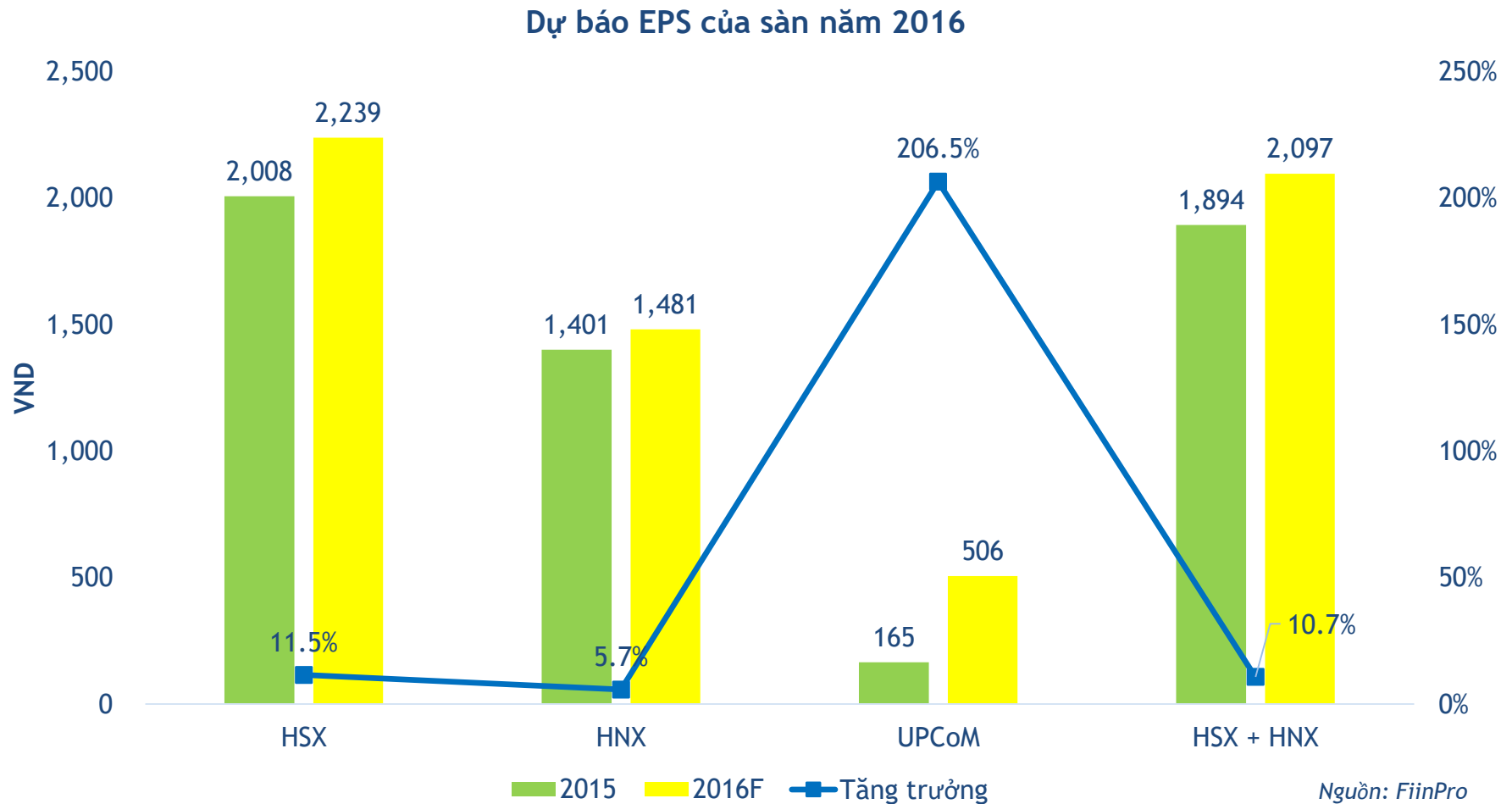
Tốc độ tăng trưởng CAGR doanh thu toàn thị trường giai đoạn 2011-2015 đạt gần 6,0%,

- Bất động sản có tốc độ tăng trưởng CAGR 2011-2015 cao nhất với 30%/năm
- Đứng sau ngành Bất động sản là Ô tô và phụ tùng, Bảo hiểm, Thực phẩm và Đồ uống.



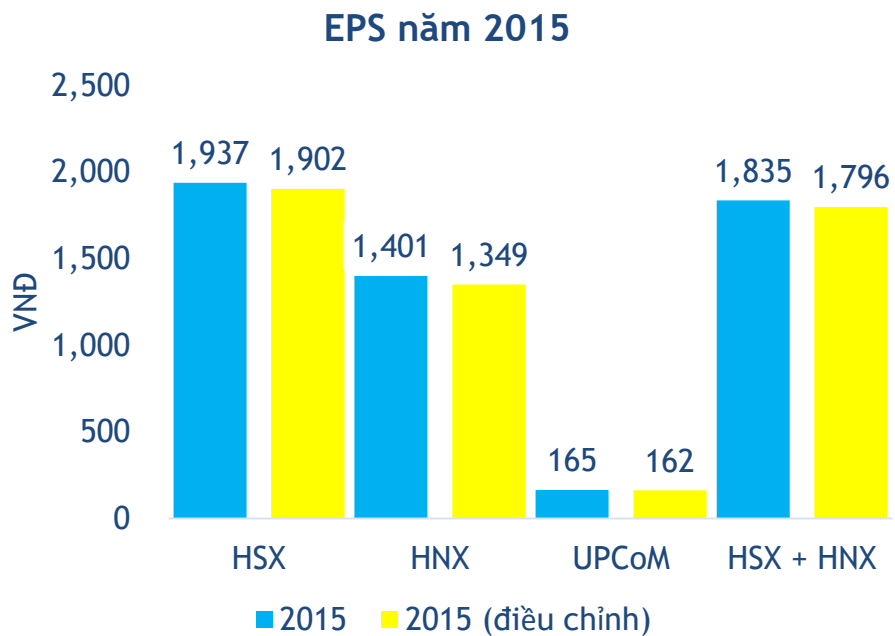
Dự báo EPS của sàn HSX

Nếu không loại bỏ mã JVC, HAG và điều chỉnh lợi nhuận của KDC thì EPS năm 2016 của sàn HSX dự kiến đạt 2.238,7 đồng

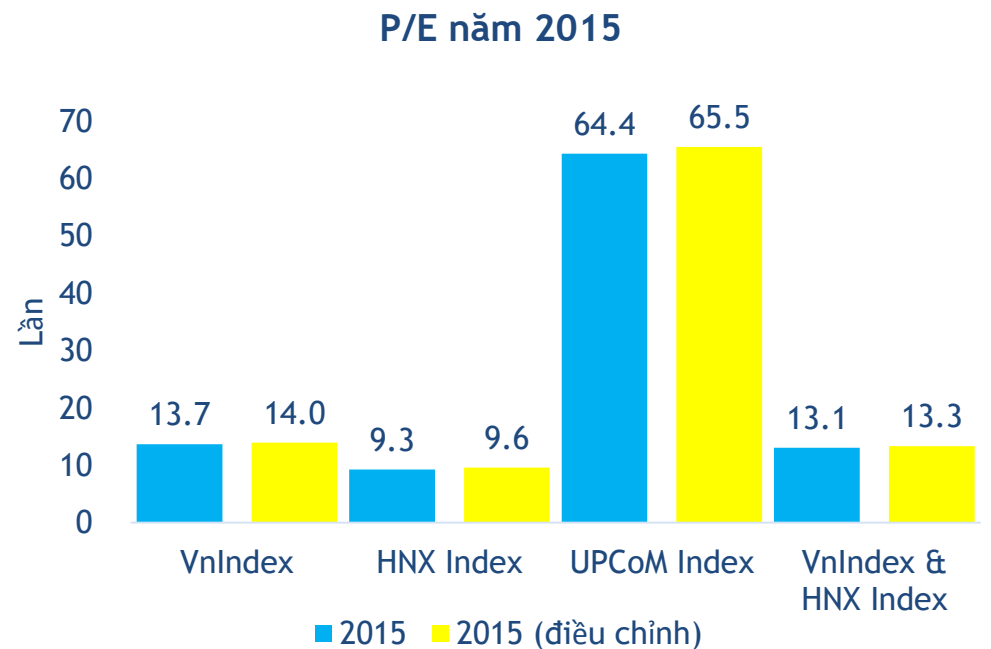


Bóc tách lợi nhuận

Nếu loại trừ những khoản thu nhập bất thường của các doanh nghiệp năm 2015, EPS điều chỉnh sẽ giảm nhẹ, còn P/E điều chỉnh sẽ tăng nhẹ



Nguồn: FiinPro



Nguồn: FiinPro

Top 30 cổ phiếu có lợi nhuận bất thường

Tổng lãi lỗ bất thường của các doanh nghiệp chiếm khoảng 10% tổng lợi nhuận ròng toàn thị trường

Ticker	Tên doanh nghiệp	LNST 2015	Lãi/lỗ bất thường	LNST KH 2016
		tỷ VNĐ	tỷ VNĐ	tỷ VNĐ
KDC	CTCP Tập đoàn KIDO	539.4	6,523.1	639.2
KBC	TCT Phát triển Đô thị Kinh Bắc	611.9	289.8	850.0
ITA	CTCP Đầu tư và Công nghiệp Tân Tạo	136.2	208.4	385.0
VIC	Tập đoàn Vingroup - CTCP	1,215.8	208.2	3,000.0
SCR	CTCP Địa Ốc Sài Gòn Thương Tín	199.0	199.4	164.4
HLG	CTCP Tập đoàn Hoàng Long	140.1	154.7	96.9
OCH	CTCP Khách sạn và Dịch vụ Đại Dương	26.0	154.2	51.8
SVC	CTCP Dịch vụ tổng hợp Sài Gòn	103.9	117.9	160.0
TDH	CTCP Phát triển Nhà Thủ Đức	47.1	83.5	80.2
KLF	CTCP Liên doanh Đầu tư Quốc tế KLF	46.7	75.0	27.0
S99	CTCP SCI	28.3	70.3	29.2
AGM	CTCP Xuất nhập khẩu An Giang	47.4	61.0	21.1
TSC	CTCP Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ	108.6	55.3	207.0
SBT	CTCP Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh	284.6	48.7	190.5
MCG	CTCP Cơ điện và Xây dựng Việt Nam	22.9	38.8	40.1
STK	CTCP Sợi Thế Kỷ	71.3	30.8	127.1
IDI	CTCP Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I	100.2	28.8	142.0
DLG	CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai	82.7	23.7	190.5
TIP	CTCP Phát triển Khu công nghiệp Tín Nghĩa	71.4	23.0	43.4
LCM	CTCP Khai thác và Chế biến Khoáng sản Lào Cai	4.3	21.4	10.0
REE	CTCP Cơ điện Lạnh	853.1	18.3	986.0
MSN	CTCP Tập đoàn Masan	1,478.3	17.6	2,000.0
FDC	CTCP Ngoại thương và Phát triển Đầu tư TP HCM	56.5	14.9	26.1
VNM	CTCP Sữa Việt Nam	7,773.4	12.2	8,266.0
NLG	CTCP Đầu tư Nam Long	206.2	10.8	399.0
ABT	CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Bến Tre	68.9	10.4	51.9
LAF	CTCP Chế biến Hàng Xuất khẩu Long An	24.4	10.3	22.5
CLG	CTCP Đầu tư và Phát triển Nhà đất Cotec	0.6	8.4	0.8
D2D	CTCP Phát triển Đô thị Công nghiệp số 2	54.7	8.2	51.0
CVN	CTCP SOLAVINA	7.3	7.0	28.6

Vui lòng truy cập vào trang web sản phẩm
www.fiinpro.com hoặc liên hệ với chúng tôi:

Công ty cổ phần StoxPlus

Trụ sở Hà Nội:
Tầng 5, Tòa nhà Anh Minh
36 Hoàng Cầu, Đống Đa,
Hà Nội, Việt Nam
ĐT: (84-4) 3562 6962
stoxplus.com

Chi nhánh Hồ Chí Minh:
Lầu 2, May Plaza,
63D Võ Văn Tần, Quận 3
TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
ĐT: (84-8) 3933 3586
stoxplus.com

Bộ phận Chăm sóc khách hàng FiinPro

Nguyễn Trung Hà (Mr.)
FiinPro Customer Support,
StoxPlus, Trụ sở Hà Nội
Email: ha.nguyen@stoxplus.com
ĐT: +84-98399 2273

Nguyễn Hải Yến (Ms.)
FiinPro Customer Support,
StoxPlus, Chi nhánh HCM
Email: yen.nguyen@stoxplus.com
ĐT: +84-945 809488